

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 03/5/2019

V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẮNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: + Bà Trần Thị Nhàn.

+ Ông Trịnh Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bàng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bàng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị An - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bàng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 39/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2019 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn DC, xã DC, huyện KB, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Đại V
- Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Văn P, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn DC, xã DC, huyện KB, tỉnh Hà Nam. Đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 18/02/2019 và các lời khai tại Tòa án, chị Đỗ Thị T là nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Văn P lấy nhau hoàn toàn tự nguyện, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã DC, huyện KB, tỉnh Hà Nam ngày 20/02/2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc tại nhà anh P ở thôn DC, xã DC, huyện Kim Bàng, tỉnh Hà Nam được khoảng 5 năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh P mãi chơi, ham mê cờ bạc,

hút chích, không tu trí làm ăn. Chị đã cố gắng chịu đựng và khuyên can nhiều lần nhưng anh P không nghe mà còn đánh chị. Đầu năm 2008, chị đã đưa các con về nhà bố mẹ đẻ ở thôn DC, xã DC, huyện KB, tỉnh Hà Nam sinh sống, từ đó vợ chồng sống ly thân, chấm dứt quan hệ vợ chồng và không ai còn quan tâm gì đến cuộc sống, tình cảm của nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, hạnh phúc gia đình không thể hàn gắn được, chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh P để chị ổn định cuộc sống.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 11/4/2019, anh Đỗ Văn P là bị đơn trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống và thời gian sống ly thân của vợ chồng anh đúng như chị T trình bày. Trong thời gian chung sống, giữa anh và chị T không xảy ra mâu thuẫn gì lớn, vợ chồng chỉ có những va chạm, xích mích nhỏ. Nay anh xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị T, vợ chồng sống ly thân đã lâu, chị T xin ly hôn anh, anh hoàn toàn nhất trí. Anh đề nghị Tòa án cho anh vắng mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Về con chung: Chị T, anh P đều trình bày: Vợ chồng có hai người con chung là cháu Đỗ Ngọc A, sinh ngày 23/10/2003 và cháu Đỗ Mạnh Q, sinh ngày 06/01/2007. Khi ly hôn chị T anh P thống nhất giao hai con cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh P không phải cấp dưỡng cho con theo sự tự nguyện của chị T. Hiện tại chị T không mang thai.

Về con riêng; tài sản chung, riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp: Chị T, anh P đều trình bày không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của chị T và chị T vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày và không thay đổi bổ sung gì. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia Tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đỗ Thị T. 1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị T và anh Đỗ Văn P. 2. Giao cháu Đỗ Ngọc A, sinh ngày 23/10/2003 và cháu Đỗ Mạnh Q, sinh ngày 06/01/2007 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung theo sự tự nguyện của chị T. 3. Án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả

tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng, dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện của chị Đỗ Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Đỗ Văn P là bị đơn; địa chỉ: Thôn DC, xã DC, huyện KB, tỉnh Hà Nam. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Anh Đỗ Văn P đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa, không ai đề nghị hoãn phiên tòa nên đây là trường hợp bị đơn vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị T và anh Đỗ Văn P kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã DC, huyện KB, tỉnh Hà Nam ngày 20/02/2002, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 5 năm thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh P nghiện ma túy, không tu trí làm ăn, chị T nhiều lần khuyên can nhưng anh P không thay đổi nên đầu năm 2008, chị T đã đưa các con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, từ đó vợ chồng sống ly thân, chấm dứt quan hệ vợ chồng và không ai còn quan tâm đến cuộc sống, tình cảm của nhau. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân giữa chị T, anh P không đạt được, chị T xin ly hôn, anh P hoàn toàn nhất trí. Việc thuận tình ly hôn giữa chị T, anh P là tự nguyện, có căn cứ, phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị T, anh P có hai con chung là cháu Đỗ Ngọc A, sinh ngày 23/10/2003 và cháu Đỗ Mạnh Q, sinh ngày 06/01/2007. Từ khi vợ chồng sống ly thân, cả hai con ở với chị T, được chị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, đảm bảo tốt về mọi mặt. Khi ly hôn, chị T, anh P cùng có ý kiến thống nhất tiếp tục để hai con ở với chị T. Anh P không phải cấp dưỡng cho con theo sự tự nguyện của chị T. Xét thấy chị T, anh P tự nguyện, thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn với con là phù hợp với các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con riêng: Không có.

[4] Về tài sản chung, riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp: Không có.

[5] Về án phí: Chị Đỗ Thị T và anh Đỗ Văn P thuận tình ly hôn nên mỗi bên phải chịu 50% án phí ly hôn. Tại phiên tòa, chị T xin chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm (Chị T xin chịu thay cả phần án phí ly hôn sơ thẩm của anh P). Đây là sự tự nguyện của chị T được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị T và anh Đỗ Văn P.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Ngọc A, sinh ngày 23/10/2003 và cháu Đỗ Mạnh Q, sinh ngày 06/01/2007 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh P không phải cấp dưỡng cho con theo sự tự nguyện của chị T.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị T chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm (Chị T xin chịu thay cho cả phần án phí ly hôn của anh P), được đối trừ số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu tiền số 0001512 ngày 22 tháng 3 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Chị T đã nộp đủ.

Án xử công khai sơ thẩm, chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- T.H.A dân sự huyện Kim Bảng;
- UBND xã Đại Cường;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Nguyệt